

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Phương.
- Ông Nguyễn Quang Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số X, Tổ Y, Ấp Z, xã P, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ CP, ấp DH2, xã ĐLH, huyện DH, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số M, ấp BH, xã BT, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/5/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2022 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất

đồng quan điểm sống. Do nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T, bị đơn hiện đang cư trú tại xã BT, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận ngày 31/01/2023 của Công an xã BT, huyện T, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có đơn ngày 21/02/2023 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên

đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 17/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, thời gian kéo dài thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đòi sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc; do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông T đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H. Như vậy chứng tỏ ông T cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Ngọc H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Mai Thị Ngọc H xác định bà và ông Nguyễn Minh T không có con chung, ông T cũng không có ý kiến phản đối với lời trình bày này của bà H nên Hội đồng xét xử xác định bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh T không có con chung theo lời trình bày của nguyên đơn.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày trong quá trình chung sống bà và ông T không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006402 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện

Tân Trụ tỉnh Long An, bà H đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 96, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc H về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006402 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà H đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CCTHADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã P, huyện BC, TPHCM
- (Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng Dung